

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Thông báo số 17-TB/CQTTCĐ, ngày 29/12/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 (sau đây gọi tắt là Thông báo số 17-TB/CQTTCĐ); Chương trình số 02-CTr/BCĐTW, ngày 02/02/2026 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành công tác năm 2026 (sau đây gọi tắt là Chương trình số 02-CTr/BCĐTW) và Chương trình hành động số 63-CTr/TU, ngày 27/02/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 63-CTr/TU). Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

Tổ chức quán triệt và triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình số 02-CTr/BCĐTW và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tạo chuyển biến rõ nét từ nhận thức đến hành động trong toàn hệ thống chính trị; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực quản trị và chất lượng phục vụ Nhân dân.

Xác định năm 2026 là năm tăng tốc và tạo kết quả thực chất, chuyển mạnh từ xây dựng nền tảng sáng tạo ra sản phẩm, giá trị và tác động đo lường được; tập trung vào cấp cơ sở, lĩnh vực trọng tâm, nhiệm vụ có khả năng lan tỏa và đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng GRDP, cải cách hành chính và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2. Yêu cầu

Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của cấp ủy; sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

Các nhiệm vụ phải được phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, gắn với cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá bằng kết quả và dữ liệu cụ thể.

Triển khai Kế hoạch bảo đảm đồng bộ, khả thi, tránh hình thức; kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ thường xuyên với nhiệm vụ đột phá. Kết quả thực hiện là căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm tập thể, cá nhân.

II- NỘI DUNG

1. Mục tiêu chung

Phát huy vai trò then chốt của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh; gắn liền với công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và chủ quyền không gian mạng quốc gia; tạo nền tảng và động lực mới cho phát triển nhanh, bền vững, nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của Lai Châu trong giai đoạn mới.

Tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW theo tinh thần “*tăng tốc - tạo đột phá - đo lường được kết quả*”. Gắn chặt phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với yêu cầu thực tiễn của địa phương; thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hình thành các động lực tăng trưởng mới; nâng cao hiệu lực quản trị nhà nước, chất lượng dịch vụ công và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; bảo đảm chuyển đổi số thấm sâu vào hoạt động của toàn hệ thống chính trị, các ngành, lĩnh vực và đời sống xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đóng góp cho tăng trưởng

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP năm 2026 phấn đấu đạt 7%.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế $\geq 37,6\%$.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

2.2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

Tổ chức triển khai kịp thời, đầy đủ, đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách trên địa bàn tỉnh, bảo đảm không để tồn đọng, chồng chéo.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

2.3. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

(1) Đổi mới cơ chế đặt hàng và đưa kết quả vào sử dụng thực tế

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ được xác định theo bài toán/nhu cầu và có đơn vị tiếp nhận/ứng dụng (*cơ quan nhà nước, địa phương hoặc doanh nghiệp*) ngay từ khâu phê duyệt nhiệm vụ.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- Trên 70% nhiệm vụ triển khai theo cơ chế đặt hàng; trong đó có 30% đồng tài trợ từ doanh nghiệp/địa phương và cam kết đầu ra (hợp đồng/đơn hàng/lộ trình áp dụng).

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- 100% nhiệm vụ có kế hoạch triển khai ứng dụng/thương mại hóa và chỉ tiêu đo lường (*hiệu quả, phạm vi áp dụng, thời hạn đưa vào sử dụng*) kèm cơ chế theo dõi sau nghiệm thu.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- Mỗi đảng bộ trực thuộc, cơ quan, đơn vị đăng ký, đề xuất và triển khai ít nhất 01 sáng kiến hoặc mô hình đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đơn vị chủ trì: Các ban đảng tỉnh, các đảng bộ trực thuộc; Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành triển khai; Đảng ủy Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh lãnh đạo các đoàn thể tỉnh triển khai.

(2) Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Hình thành ít nhất 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

(3) Số hóa, minh bạch hóa quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ được quản lý, theo dõi toàn trình trên nền tảng số; cập nhật đầy đủ vòng đời nhiệm vụ (*đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, chuyển giao, theo dõi sau nghiệm thu*).

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- 100% thông tin kết quả và tài chính của nhiệm vụ (*phần được công khai theo quy định*) được minh bạch hóa trên nền tảng số; bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiến độ, giải ngân, sản phẩm.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- Tối thiểu 90% nhiệm vụ thực hiện cập nhật tiến độ định kỳ hằng tháng; chậm cập nhật/không đủ dữ liệu bị đưa vào diện cảnh báo.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- Thời gian phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trung bình khoảng 90 ngày (*tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến khi ban hành quyết định phê duyệt*).

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

2.4. Về chuyển đổi số của tỉnh

(1) Về hạ tầng số:

- Đôn đốc các nhà mạng thực hiện phủ sóng 4G cho 100% thôn, bản, tổ dân phố; hoàn thành việc xây dựng trạm BTS 5G tại 100% trung tâm tỉnh và trung tâm các xã, phường.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- 100% cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

+ Đơn vị phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

- 100% cán bộ cấp xã có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.

Đơn vị chủ trì: Văn phòng Tỉnh ủy.

(2) Về số hóa, dữ liệu, nền tảng số:

- Từ tháng 01/2026, 100% hồ sơ, hồ sơ công việc, tài liệu công việc tại cấp tỉnh và cấp xã được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử (*đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước*) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (*dùng cho cá nhân, tổ chức*) để giải quyết công việc.

Đơn vị chủ trì: Các ban đảng tỉnh, các đảng bộ trực thuộc lãnh đạo thực hiện.

- 100% các quy trình lõi trong khối cơ quan của hệ thống chính trị được số hóa.

Đơn vị chủ trì: Các ban đảng tỉnh, các đảng bộ trực thuộc lãnh đạo thực hiện.

- Các cơ sở dữ liệu và nền tảng số của tỉnh được xây dựng, vận hành, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung” phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo không trùng với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành triển khai.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy Công an tỉnh.

(3) Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến:

- Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính đặc thù của tỉnh đạt tối thiểu 80%.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt 80%.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 90%.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh; 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

- Trên 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến¹.

(4) Về nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm.

Đơn vị chủ trì: Các ban đảng tỉnh, các đảng bộ trực thuộc lãnh đạo thực hiện.

- Tối thiểu 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

Đơn vị chủ trì: Các ban đảng tỉnh, các đảng bộ trực thuộc lãnh đạo thực hiện.

¹ Kết quả đánh giá theo hướng bổ sung chỉ tiêu đo lường mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT trong Kế hoạch điều tra xã hội học - Chỉ số SIPAS - Đánh giá sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với chất lượng dịch vụ hành chính công mà cơ quan nhà nước cung cấp.

- Củng cố mô hình vận hành và điều kiện hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, bảo đảm phục vụ liên tục, không gián đoạn.

+ Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

+ Đơn vị phối hợp: Đảng ủy các xã, phường.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 60%.

Đơn vị chủ trì: Đảng ủy UBND tỉnh.

2.5. Về theo dõi, giám sát và đánh giá

Bảo đảm 100% nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo được theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương; số liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng.

Đơn vị chủ trì: Các ban đảng tỉnh, các đảng bộ trực thuộc lãnh đạo thực hiện.

3. Nguyên tắc thực hiện

- Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời hạn, rõ thẩm quyền. Bảo đảm kịp thời nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp.

- Kết hợp hài hòa giữa các nhiệm vụ thường xuyên (hoàn thiện thể chế, hạ tầng, bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực) với các nhiệm vụ đột phá, sáng tạo.

- Bảo đảm tính khả thi, thiết thực, tránh hình thức; các kết quả phải đo lường được bằng số liệu cụ thể, được theo dõi, giám sát minh bạch trên môi trường số; tăng cường tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức thực hiện.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ và kết quả thực hiện; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm.

- Lấy kết quả đầu ra và tác động làm thước đo; phát huy vai trò của doanh nghiệp và dữ liệu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Chỉ đạo triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2026 của Tỉnh ủy, các đảng bộ trực thuộc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo bám sát thực tiễn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả thực hiện.

Theo phạm vi quản lý kịp thời tiếp nhận, phản hồi ý kiến của tổ chức, cá nhân để đo lường mức độ hài lòng đối với cơ chế, chính sách, giải pháp (*thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan*).

Rà soát quy trình, hạ tầng, hệ thống, dữ liệu, nhân lực, tài chính, nhất là cấp xã; có phương án bảo đảm nguồn lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ cấp xã; ưu tiên phương thức đào tạo thuận tiện, hiệu quả, “*mọi nơi, mọi lúc*”.

Định kỳ hằng quý tổ chức rà soát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm; kịp thời điều chỉnh, dừng hoặc thay thế nhiệm vụ triển khai chậm, không có sản phẩm đầu ra rõ ràng.

1.2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

Tiếp tục rà soát các văn bản đã ban hành để xác định đầy đủ danh mục, đồng thời ban hành hướng dẫn về xây dựng, ban hành văn bản, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi khi tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, **hoàn thành trong Quý I/2026**.

Đẩy mạnh hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu; thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, trợ lý ảo và các công nghệ hỗ trợ ra quyết định, bảo đảm an toàn, an ninh và tuân thủ quy định.

Tập trung rà soát, tháo gỡ các “điểm nghẽn thể chế” đang cản trở triển khai khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở cấp tỉnh và cấp xã; bảo đảm phân cấp, phân quyền gắn với dữ liệu và nền tảng số, tránh chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm. Rà soát, xây dựng hoàn thiện Hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST.

1.3. Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

1.3.1. Lựa chọn 03 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, lợi thế và dư địa tăng trưởng của tỉnh (công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao; chế biến - chế tạo; du lịch; logistics; y tế; giáo dục; quản trị đô thị...); có khả năng giải quyết ngay trong năm 2026. Mỗi bài toán phải xác định rõ sản phẩm đầu ra, đơn vị tiếp nhận, mốc thời gian hoàn thành và chỉ tiêu đo lường hiệu quả. Hoàn thành trong Quý I/2026.

1.3.2. Tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo được ứng dụng trong khu vực công (quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, ...)

1.3.3. Thành lập hoặc kiện toàn đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương; Tổ chức đánh giá

trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp của địa phương, xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng năng suất, chất lượng; tổ chức kết nối với viện, trường, doanh nghiệp công nghệ để chuyển giao, làm chủ công nghệ.

1.3.4. Bố trí ngân sách địa phương có trọng tâm; ưu tiên nhiệm vụ có đồng tài trợ, có hợp đồng tiêu thụ hoặc chuyển giao; kiên quyết dừng nhiệm vụ kém hiệu quả, kéo dài, không có đầu ra.

1.3.5. Kiên quyết không triển khai nhiệm vụ nghiên cứu không gắn với nhu cầu thực tiễn, không có địa chỉ ứng dụng hoặc không có khả năng nhân rộng.

1.3.6. Kết nối cung - cầu công nghệ với Sàn giao dịch KH&CN của Trung ương xây dựng danh mục công nghệ, giải pháp sẵn sàng chuyển giao; công khai nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp theo ngành hàng.

1.3.7. Hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo gắn trực tiếp với bài toán của doanh nghiệp và địa phương; ưu tiên mô hình có doanh thu dịch vụ/đầu tư tư nhân.

1.3.8. Đẩy mạnh bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; yêu cầu mỗi nhiệm vụ trọng điểm có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ và phương án khai thác sau nghiệm thu.

1.4. Về chuyển đổi số

1.4.1. Hạ tầng số

Cấp xã là trọng tâm triển khai chuyển đổi số năm 2026; ưu tiên bảo đảm hạ tầng, nhân lực, kỹ năng số và tổ chức vận hành thông suốt bộ phận một cửa, đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc gia tăng sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Chủ động rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số cấp xã: (1) Đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc; (4) duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng.

Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi.

Tăng cường việc gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối Mật qua Mạng thông tin diện rộng của cơ quan Đảng với phạm vi mở rộng theo hướng thống nhất, dùng chung cho các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị (*Mạng mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị*).

1.4.2. Dữ liệu, nền tảng số

(1) Chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; (2) Tập trung chỉ đạo các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số; (3) Tập trung chỉ đạo các quy trình lõi được số hóa trong các cơ quan, đơn vị để phục vụ đưa lên môi trường số.

Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu **trong Quý I/2026**, bảo đảm dữ liệu phải được thường xuyên tập hợp, cập nhật, bổ sung theo phương châm “*đúng, đủ, sạch, sống và liên thông*”.

Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (*Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống họp trực tuyến...*) của hệ thống chính trị.

1.4.3. Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

(1) Rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; (2) Tập trung chỉ đạo số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; (3) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến và trực tuyến toàn trình.

Các địa phương bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, phân công lãnh đạo, nhân lực, hệ thống hạ tầng mạng; thiết lập và vận hành ổn định Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã, bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp liên tục, không gián đoạn. Bảo đảm đủ nhân sự cho việc giải quyết thủ tục hành chính ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn.

1.5. Nhóm các nhiệm vụ tạo đột phá

Xây dựng và triển khai Nền tảng Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công vụ triển khai thí điểm theo nhóm nghiệp vụ có tần suất xử lý cao, bảo đảm kiểm soát chất lượng đầu ra, lưu vết, trách nhiệm giải trình và an toàn, an ninh mạng. **Hoàn thành trong Quý II năm 2026.**

1.6. Chuyển đổi số một số ngành, lĩnh vực trọng điểm

Xây dựng kế hoạch triển khai chuyển đổi số các lĩnh vực: nông nghiệp, du lịch, giao thông vận tải và logistics, tài chính... đảm bảo chi tiết phù hợp điều kiện thực tiễn, bảo đảm đóng góp thiết thực vào tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của ngành, lĩnh vực.

Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ; phát triển quản trị số, sản xuất thông minh, logistics thông minh; tăng cường liên kết doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học để đổi mới công nghệ.

1.7. Về nhân lực và hợp tác quốc tế về KHCN, ĐMST, CDS

Bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị theo quy định. Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các khâu có tần suất lớn, rủi ro cao của công vụ (*tiếp nhận, phân luồng hồ sơ; đối soát thành phần hồ sơ; kiểm tra tính hợp lệ; tổng hợp báo cáo; cảnh báo sai lệch dữ liệu*), bảo đảm có cơ chế kiểm soát, lưu vết và trách nhiệm giải trình; phân đầu nâng năng suất xử lý và giảm sai sót nghiệp vụ, rủi ro tuân thủ.

Tiếp tục triển khai chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực về KHCN, ĐMST, CDS các chuyên gia đầu ngành theo quy định.

Tăng cường trao đổi, phối hợp chia sẻ thông tin liên quan các chính sách về phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống hạ tầng giao thông và thương mại ở các cặp cửa khẩu biên giới, tạo nên sự tương đồng, đối xứng giữa hai bên nhằm khai thác và phát huy tối đa hiệu quả của hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông kết nối khu vực cửa khẩu.

Quan tâm đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và đào tạo nhân lực.

1.8. An ninh, an toàn thông tin và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước

Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Ban Bí thư và Kế hoạch của Ban Chỉ đạo về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị. Đồng thời triển khai các nhiệm vụ tại Thông báo số 06-TB/CQTTBCĐ, ngày 27/9/2025 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.9. Về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS

Chủ động đăng ký nhiệm vụ, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS phù hợp với tình hình thực tiễn, kế hoạch hoạt động và khả năng cân đối; trong đó, ưu tiên đề xuất nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ. Triển khai thực chất và giải ngân theo đúng tiến độ công việc đề ra, không để chậm trễ, ảnh hưởng tiến độ chung của Nghị quyết.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

(Có Phụ lục: Danh mục nhiệm vụ, giải pháp cụ thể kèm theo)

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể quán triệt, triển khai nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch này; bám sát Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và yêu cầu thực tiễn, khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả, tránh hình thức. Các đơn vị được

giao chủ trì chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được phân công theo Kế hoạch.

2. Ban Chỉ đạo tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, lãnh đạo thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị tại địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch này; kịp thời đề xuất, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Tăng cường giám sát các cơ quan, đơn vị địa phương trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; chỉ đạo giải quyết, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc, chậm trễ.

3. Các ban đảng tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy

- Tập trung triển khai hiệu quả Đề án Chuyên đổi số trong các cơ quan Đảng của Ban Bí thư và các kế hoạch: số 331-KH/TU, số 29-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo đúng lộ trình đã đề ra.

- *Ban Tổ chức Tỉnh ủy*: Tham mưu, đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ trực tiếp tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, xã, phường đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

- *Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy*: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác định hướng tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ; các thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương, các chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và Kế hoạch này.

- *Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*: Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Kế hoạch này.

- *Văn phòng Tỉnh ủy*: Chủ trì, tham mưu Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

4. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh

- Căn cứ Kế hoạch của Tỉnh ủy, xây dựng, ban hành các kế hoạch, đề án, dự án triển khai nhiệm vụ cụ thể về: Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số; ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực;

chuyên đổi số cho doanh nghiệp, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, ... phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; phân kỳ thực hiện, phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; kịp thời xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

5. Các đảng ủy trực thuộc

- Lãnh đạo triển khai thực hiện các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương; lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại địa bàn về phát triển hạ tầng số, huy động nguồn lực, đào tạo nhân lực, ...; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo triển khai thực hiện.

- Tăng cường rà soát, kiểm tra toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo để đảm bảo hoạt động nền nếp, thông suốt, hiệu quả.

6. Đảng ủy Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh mạng; thường xuyên kiểm tra, rà soát lỗ hổng bảo mật của các hệ thống thông tin, nền tảng số trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng khoa học, công nghệ và không gian mạng để vi phạm pháp luật.

7. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

- Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số và Kế hoạch này.

- Chỉ đạo tổ chức các chương trình giám sát và phản biện xã hội một cách độc lập, thực chất đối với các vấn đề liên quan đến phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; kênh giám sát này phải trở thành một nguồn thông tin quan trọng, phản ánh tiếng nói của người dân để các cơ quan nhà nước điều chỉnh chính sách và hành động.

8. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao định kỳ hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực

hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về Ban Chỉ đạo tỉnh (*qua Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh*).

- Ban Chỉ đạo tỉnh tổng hợp, báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương và cập nhật đầy đủ, kịp thời lên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương (*theodoing.dcs.vn*).

9. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được cân đối bố trí từ ngân sách nhà nước, lồng ghép từ các chương trình, đề án khác có liên quan. Huy động từ các nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

10. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh phối hợp với Cơ quan chuyên môn giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh

- Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các đảng bộ trực thuộc, cơ quan, đơn vị tiếp tục đăng ký, đề xuất và triển khai ít nhất 01 sáng kiến hoặc mô hình đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu đề nghị cấp có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 32-KH/TU, ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (b/c),
- Ban Bí thư (b/c),
- Các ban đảng TW, Văn phòng TW Đảng,
- Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Nguyễn Tuấn Anh